

## PHẨM KIẾN LẬP

Trên đây, dù rằng nói chung về nhân, và quả nhưng phần nhiều nói về nhân. Dưới đây, là đối với nhân để luận về quả. Công hạnh khuyến tu của đại kiếp, cần có quả, nên được quả thành tựu viên mãn, cầu thoả mãn bản tâm, do kiến lập mà thành, gọi là phẩm Kiến Lập.

Trong văn, một là nói về công đức của Phật địa; hai là cuối phẩm kết luận chung, Trên đây, đã nói về nhân quả.

Trong phần trước, gồm có:

- 1/ Nêu mười một pháp môn công đức.
- 2/ Tùy theo từng pháp môn, giải thích riêng.
- 3/ Nói chung.

Dựa vào Như lai trụ, nghĩa là Như lai trụ trong mười ba trụ. Và dựa vào Như lai đến Địa rốt ráo, nghĩa là một phần thứ bảy trong Thất Địa. Địa, trụ, là nêu cả hai, bao gồm nghĩa viên mãn.

Trong giải thích về tướng tốt, văn được chia làm sáu:

- 1/ Đến tướng và danh số tùy hảo.
- 2/ Được phần vị viên mãn.
- 3/ Nói về nhân duyên chiêu cảm tướng tốt.
- 4/ Nói về địa vị tu chứng.
- 5/ Tướng, danh, phước lập.
- 6/ Suy xét, so lường hơn kém.

Đầu tiên, là nêu danh số, y theo các kinh, luận đã nói về tướng trượng phu, chẳng phải một lời mà bao gồm hết được. Vả lại, đối với nói rộng, lược thuật, tách rời, kết hợp, nói rộng về chân thì chia ra hai tướng: gót chân, mu bàn chân. Bốn gót chân của Phật tròn, dài, đoan nghiêm, ngay thẳng. Bảylà mu bàn chân đầy đặn, hai bên ngay ngắn, sai với gót chân gọi là tập tễnh.

Lại, phân tích một lỗ, một sợi lông làm hai tướng, một lỗ sinh một sợi lông, lông thân xoay vòng theo chiều bên phải, vai vế đầy đặn tức lấy chung vai vế làm một tướng; tướng thân thứ mười tám rộng lớn, ngay ngắn tức nói chung thân không cong vẹo, và lớn ngay ngắn làm một tướng. Lại, chia tướng thứ hai mươi hai làm hai tướng. Tướng thứ hai mươi ba, tướng đủ bốn mươi răng; răng ngang, bằng, khít khao; răng ngà trắng tươi, có ánh sáng bóng loáng, tức nói chung là luân này lấy tướng hai mươi ba, hai mươi bốn làm một. Hai luận đối nhau, có thể có bốn trường hợp chung:

- 1/ Hợp với đây, lìa với kia, như gót chân, mu bàn chân v.v...

2/ Hợp với kia, lia với đây, như thân không cong vạy v.v...

3/ Kia, đây đều hợp, như bảy chỗ đây v.v...

4/ Kia, đây đều lia, trừ ba trường hợp trên.

Ô-sắc-nị-sa trên đỉnh đầu, là xương đỉnh trùng, giữa búi tóc của Đức Như lai có xương đỉnh trùng (lớp xương đỉnh đầu), giữ lấy âm Phạm, gọi là Ô-sắc-nị-sa.

a. Trong Tỳ hảo nói rằng hàm răng trên, dưới đồng đều, nghĩa là hàm răng trên dưới trông như chiếc mào Mạn-đà-la-hoa, đều mẫu nhiệm đặc biệt. Nướu răng là một tướng. Bản dịch xưa chia làm hai là sai. Tóc trái đào, hai tai là bốn, bản dịch xưa nói hai mái tóc, hai trái đào, hai tai, tức là sáu. Nay trái đào, mái tóc đều là một tướng, chia tai làm hai, nên thành bốn tướng tốt.

b. Trong được địa vị mãn. Văn này nói rõ ràng, từ Sơ địa trở lên, thì được tướng tốt tăng hơn dần, cho đến khi ngồi tòa Bồ-đề, mới chứng được công đức của mười hạnh khác. Nếu viên mãn thì tiến đến địa vị Phật mới được. Nếu người thấp kém thì lúc còn là Bồ-tát ở trước, cũng đã thành thực.

Nói: Lại, tất cả tư lương Bồ-đề này, đại khái có hai thứ là cách Bồ-đề hoặc xa, hoặc gần, nghĩa là chưa được tướng tốt, gọi là xa tức trụ Địa tiền. Nếu được tướng tốt thì gọi là gần, nghĩa là được nhập địa trở lên. Vì sao biết được? Vì kế trước nói rằng nhập địa ý lạc tịnh thắng, các tướng tùy hảo, đã được Dị thực, cho nên biết Địa tiền không được tướng tốt của thật báo. Lại, đoạn văn sau quyển này nói rằng tướng tốt, nếu đối với địa chủng tánh thì chỉ có hạt giống nường vào thân. Ở giải, hạnh địa, tu phương tiện kia. Nếu ở ý lạc địa thù thắng thì mới gọi là Đắc; các địa trên gọi là thanh tịnh, ở Phật địa, được thiện tịnh vô thượng.

c. Trong phần nói về nhân của tướng tốt, trước nêu ý nói. Về lý, tất cả nghiệp tịnh, được tướng tốt của diệt. Do không có sai khác mà tùy ưa nói nghiệp sai khác. Kế chính thức nói về nghiệp nhân, trong đó có hai: kiến lập rộng và nói cách sơ lược.

Trong kiến lập rộng có bốn:

1/ Nói sáu mươi ba nghiệp chiêu cảm tướng tốt.

2/ Chỉ có tịnh giới chiêu cảm tướng tốt.

3/ Nói về hợp lập.

4/ Tổng kết.

Nói “chỉ vì một trụ”, nghĩa là chỉ một chỗ vắng. Vì nường tựa một người bạn, nghĩa là y chỉ bạn làm thầy, tạo nên nghiệp tướng tốt này. Hoặc đồng một trú xứ, nhiếp thọ chung với nhau, đồng học một thầy,

như nước với sữa. Vì nghĩa này nên các lỗ chân lông của thân, mỗi lỗ đều mọc một sợi lông.

Theo phần nói lược, nói là đều dựa vào bốn hạnh của phẩm Phần, có thể chiêu cảm tướng tốt. Bốn hạnh nói ấy là:

- 1/ Khéo tu sự nghiệp.
- 2/ Phương tiện thiện xảo.
- 3/ Lợi ích hữu tình.
- 4/ Hồi hướng không trái ngược.

Đầu tiên, khéo tu sự nghiệp. Không ngay thẳng có bốn thứ là: Quyết định tu tạo; Ủy thác đều tu tạo; Luôn thường tu tạo; Không có tội tu tạo. Nay, y cứ vào ngay thẳng, đầu tiên khéo tu sự nghiệp có bốn hạnh để nói về khả năng chiêu cảm tất cả tướng tốt, trong đó quyết định tu tạo, chiêu cảm được một tướng. Ủy thác đều tu tạo, có công năng cảm chín tướng. Luôn thường tu tạo, có công năng chiêu cảm năm tướng. Không có tội, tu tạo, có thể chiêu cảm tướng khác, nghĩa là trong cách tu này chia ra làm tám trường hợp:

- 1/ Không có hao hụt gia hạnh, chiêu cảm hai tướng.
- 2/ Theo thứ lớp, gia hạnh hợp thời, chiêu cảm một tướng.
- 3/ Hoan hỷ, tịnh tâm, hiện hành, các điều thiện, chiêu cảm bốn tướng.
- 4/ Không dựa vào tiếng khen ngợi, tu thiện, che giấu đức của mình, chiêu cảm một tướng.
- 5/ Gốc lành tu được hồi hướng Bồ-đề, chiêu cảm bốn tướng.
- 6/ Tu điều thiện, không nhằm chán, không có gia hạnh kém, chiêu cảm hai tướng.
- 7/ Đối với các hữu tình, nhìn bằng tâm lợi ích bình đẳng thì chiêu cảm ba tướng.
- 8/ Đối với việc thiện thấp kém, bất sinh hỷ tức, khởi gia hạnh vượt hơn, thì chiêu cảm một tướng.

Như thế, tổng số là ba mươi ba. Do thiếu các lỗ chân lông của thân thứ mười bốn, mỗi sợi lông sinh ra như màu xanh biếc, có vân xoắn ốc xoay về bên phải.

Thân thứ mười lăm với da màu vàng ròng. Tướng hai mươi hai răng đồng đều, bằng phẳng, nên tướng kia nếu thêm một hợp với hai, lại thành số ba mươi hai.

d. Địa là vị tu chứng, tức có năm vị:

- 1/ Chứng tánh chỉ có hạt giống vô lậu của tướng tốt.
- 2/ Địa thẳng giải hạnh, thập giải trở lên, học thực hành quán không

là có thể được phương tiện vô lậu.

3/ Địa ý lạc tăng thượng hiện khởi so lường vô lậu, hữu lậu cảm Di thực vượt hơn.

4/ Địa trên chuyển biến vượt hơn.

5/ Phật địa vô thượng.

e. Tướng thứ năm, gọi là phế lập. Các tướng như thế là vì có sắc, nên chúng sinh ba phẩm dễ biết nên lập làm tướng. Pháp không chung khác vì khó biết rõ, cho nên không lập làm tướng. Và tức ba mươi hai tướng như thế là đối tượng nương tựa cho công đức khác, vì khả năng gìn giữ, nên gọi là riêng là tướng. Do thù thắng cùng cực, khiến thân đoan nghiêm, nên gọi là “tùy hảo”.

f. Tướng thứ sáu, xem xét, so lường hơn kém, trước, nói về so lường, sau, nhân nói về ba vô lượng.

Nói “tướng đại pháp loa”, nghĩa là trong hai mươi hai tướng trước không có tướng pháp loa (vỏ ốc pháp). Tướng pháp loa, tức là “tứ đại sừng khư” trong cổ họng của đức Như lai, hình dáng của nó trông giống như con ốc, từ con ốc này phát ra tiếng rất viên mãn khắp vô biên thế giới.

Thuộc về tự thể, nghĩa là tướng tốt nói ở trước, và ngoài tướng tốt ra, bốn trần phù căn: nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thân căn đều là tự thể thuộc sắc uẩn, được chiêu cảm từ vô lượng phước đức tư lương.

Một tịnh sở y trong bốn thanh tịnh, nghĩa là tập khí thô, nặng của phẩm Phiền não đã dứt trừ hẳn, đây là y theo thân thọ dụng. Lại, ở trong trụ, xả của tự thể, tự tại chuyển biến đây là y theo thân biến hóa. Trong đây, kiêm lấy phiền não, tập khí thô nặng đều dứt hẳn. Như luận Đối pháp quyển mười bốn nói chỉ có lấy trụ, xả không có tập khí v.v... diệt hẳn ở trước, tức trong phẩm Giải công đức của Bồ-tát địa này cũng đồng với luận Đối pháp. Luận này có ý gì? Trong luận này y cứ pháp Nhiếp cùng khắp, trong địa kia y theo tịnh hữu vi, không lấy tịnh vô vi. Y cứ thật sự là chung cả hữu, vô vi.

Tâm tịnh thứ ba, nghĩa là vì tất cả tâm thô, nặng đều dứt hẳn, là nói về định thanh tịnh. Do sự thô nặng đã dứt hết, nhập trụ vô ngại, đây là nói lìa lỗi. Lại, vì tất cả gốc lành trong tâm đều chứa nhóm, nghĩa là thiện căn, định rất sâu của Phật đã chứa nhóm, đây là nói về công dụng của định, có thể gồm thâu đức tốt.

Trí tịnh thứ tư, nghĩa là bốn trí của Chư Phật đều được thanh tịnh, vì đã lìa vô minh thô, nặng, đây là nói về thể của trí lìa lỗi.

Tự tại vô ngại, nghĩa là nói về công dụng của trí kia gồm thâu đức

tốt. Trong giải thích mười lực, văn chia làm hai:

- 1/ Phân biệt riêng về cảnh duyên của mười lực.
- 2/ Ở quyển sau, trước là chia ra bảy môn.

Trong phần trước, trước nêu danh, sau giải thích theo thứ lớp.

Dựa vào dưới đây, quyết định lựa chọn mười lực, lấy “như lượng làm thể”. Theo quyển sau, đầu tiên, phát ra tự tánh, nói rằng cả năm căn đều là tự tánh. Do tuệ vượt hơn, nên chỉ nói, trí lực của xứ, phi xứ, không nói tín lực và lực v.v... khác. Do “duyên” mười cảnh, tức gọi là mười lực, từ cảnh đặt tên.

Trong giải thích về lực ban đầu, trước, là giải thích riêng mười một câu trường hợp. Sau là nói chung về nghĩa sơ lược.

Văn ban đầu tức giải thích về nghĩa của mười một trường hợp trong kinh. Nếu theo giải thích dưới đây, thì đại và địa vị tôn quý của tiên, được chia làm hai trường hợp, nên nói rằng mười hai trường hợp. Nay theo nghĩa lược qua, có thể là mười một trường hợp, cái gọi là đức Như lai biết như thật về xứ, phi xứ. Lực thứ nhất, thành thực Niết-bàn trên hết. Tôn vị đại tiên tự biết chuyển Phạm luân, chánh sư tử hống trong đại chúng.

Nói nhân bất bình đẳng của quả tịnh, bất tịnh trái với ở trên, là gọi là phi xứ, nghĩa là nhân bất bình đẳng của trời Tự tại, chẳng phải chỗ sinh ra quả.

Xa lìa tất cả trí tăng thượng mạn, nói là như thật. Đức Thế tôn xa lìa trí tăng thượng mạn chưa được, cho là đã được, nên gọi là như thật. Ở đây, tức giải thích về những cái có trên, đã nói tất cả như thật, nên gọi là Như lai.

Nếu trí nhất thiết chỉ bày bình đẳng v.v... trở xuống, đây lại là thay đổi cách giải thích nhắm vào xa lìa tất cả trí tăng thượng ở trước, như phẩm Bồ-đề trước đã nói. Kế là, giải thích thứ nhất, tiếp đến giải thích về nghĩa lực, đệ nhất nghĩa xứ, phi xứ của đức Như lai trong giải thích kinh nói trên.

Dưới đây là giải thích về cảnh giới của lực xứ, phi xứ. Văn còn lại có năm trường hợp:

- 1/ Đối tượng nên được, tức là Niết-bàn.
- 2/ Phương tiện năng được, tức tám chi đạo.
- 3/ Tự chứng diệt, đạo.
- 4/ Khai thị cho người, gọi là chuyển phạm luân.

Tăng ngữ là danh, nghĩa là các Như lai đều có tên phạm này, nói là Phạm.

Trước hết chuyển biến từ đây về sau. Pháp còn lại là khác v.v... trở xuống, xoay vần chuyển hóa, dẫn đường khắp cả các hữu tình, đây là giải thích nghĩa “Luân”.

5/ Đức Thế tôn tự hiển hiện, rơi ở Chư Phật nói pháp, thuộc Đại sư viên mãn, chủ thể nói chánh đạo, phá tan tà đạo. Đối với đạo, oán thù không có yếu hèn, vì khuất phục luận người khác, giảng nói luận mình, nên gọi là sư tử hống.

Tóm lại v.v... trở xuống, là thứ hai, về nghĩa giản lược có hai phen:

1/ Công hạnh lợi tha đã mãn, tức địa vị tôn quý đại tiên của Niết-bàn trên, tự biết. Lợi tha viên mãn tức Chuyển phạm luân ở trên, để có thể phát rõ ràng, nói xong, dựng lập, mở bày.

Hai lợi viên mãn không chung, nên gọi là chánh sư tử hống trong đại chúng, cũng có thể chín câu trong mười một câu. Nếu tự lợi viên mãn thì có hai câu, sau gọi là lợi tha viên mãn.

2/ Lược thứ hai rằng: Lại có môn khác, về nghĩa lược qua trong đây, nói là pháp nên được v.v..., kết năm nghĩa ở trước:

- Pháp nên được, tức Niết-bàn ở trên.
- Phương tiện tốt đẹp, tức tám chi đạo ở trên.
- Tự biết diệt, đạo.
- Xoay bánh xe phạm.
- Chánh sư tử hống ở trong chúng.

Trong năng lực nghiệp, trước, là giải thích, sau là kết. Phần giải thích có tám trường hợp.

Biết bốn pháp thọ. Nói rộng như trong phẩm Tự lợi, lợi tha đã nói. Trong đoạn kết rằng: Tất cả phần vị, nghĩa là bốn pháp thọ, gia hạnh sai khác, nghĩa là có ích, không có ích v.v...

Trong sức định, đầu tiên, là nói về sở tri (cái bị biết) sau, nói về thể của sức “năng tri” (người biết). Sở tri có bốn:

- 1/ Biết đẳng trì, đẳng chí, chủng tánh được giáo hóa.
- 2/ Biết trị chướng.
- 3/ Biết giả lập.
- 4/ Biết thanh tịnh.

Có bốn tĩnh lực, có tám giải thoát, nghĩa là nêu chung sở tri, tức “do như thế”, cho đến “đều có thể thành xong, nghĩa là biết công năng của định.

Nếu theo tĩnh lực, giải thoát kia, cho đến gọi là Đẳng trì, Đẳng chí ấy, thì đồng giữ lấy loại sai khác của sắc có mười một, đẳng chí có sáu.

Nói rộng như Tam-ma-hý-đa-địa.

Như nói, cho đến nói rộng, nghĩa là dẫn lời Phật nói để chứng minh. Do sức định, nên ánh sáng soi rọi khắp, tiếng nói được nghe khắp. Theo Đức Phật nói kinh A-hàm, đôi khi vì giáo hóa chúng Phạm, Ngài lên cõi trời kia, thân phát ra ánh sáng rực rỡ, miệng giảng nói pháp nhiệm mầu. Các Phạm thiên thấy ánh quang, nghe ngài nói, không nhìn thấy hình dáng.

Như thế, Như lai cho đến trừ định này ra, không có hoặc quá, hoặc thêm, ở đây, là nói về Như lai vì dựa vào tính lực, nên hay có thành xong, cũng là sự “sở duyên” của sức định Như lai ở chỗ tính lực này, cho đến Đẳng trì, Đẳng chí, nghĩa là giải thích về tác dụng của kinh đã dẫn trên, kể cả đoạn văn kết v.v..., ý nói riêng Như lai dựa vào tính lực. Như lai ở nơi tính lực này mà tạo ra chủng loại, phần nhiều trụ như thật, chỉ nói đẳng trì, đẳng chí, giải thoát đều thuộc về tính lực, không nói Đẳng chí, Đẳng trì, giải thoát trong định Vô Sắc.

Giải thích về trị chướng. Giải thoát tạp nhiễm của tính lực có hai thứ, thanh tịnh có bốn thứ, trái với tạp nhiễm ở trên, nên biết tướng của chúng, nghĩa là trong hai thứ tạp nhiễm, mỗi thứ đều có hai, nên thành bốn.

Nhiễm đầu có hai: không có gia hạnh khéo léo, và các cái hiện ở trước.

Nhiễm thứ hai có hai: triền phiền não của địa mình và tùy miên của tự địa.

Vì trị bốn nhiễm này nên thanh tịnh có bốn.

- Giả lập, nghĩa là dựa vào tính lực v.v... dẫn phát các thứ công đức, tùy theo công đức đó, giả đặt tên gọi.

- Thanh tịnh, rất dễ hiểu.

Đức Như lai đối với lực này v.v... trở xuống, là nói về lực, rất dễ hiểu.

Như đã thành thực tu viên mãn, cho đến gọi là các căn vượt hơn, thua kém. Đây là nói về cảnh sở duyên của căn, lực. Trong đây vì chỉ nói về căn nhập đạo, nên chỉ nói năm căn như tín v.v... Nếu nói chung cả căn sinh tử, thì tức hai mươi hai căn đều là căn sinh tử, nên Bà-sa nói căn lực chung cả bốn niệm xứ. Nếu từ người khác tin, cho đến mỗi thứ thắng giải, thì đây là nói về sở duyên (đối tượng duyên) của năng lực thắng giải. Thắng giải như thế, hoặc tin từ người, hoặc tự quán sát, tức trở thành ba phẩm ái lạc, tức giải quyết định, gọi là thắng giải, bản dịch xưa, gọi là dục.



Kế là, nói về giới lực. “Duyên” theo giới chủng tử của hạt giống. Hành sai khác như tham v.v... của chỗ khác, có tám mươi bốn ngàn. Nay vì nói số lớn, nên nói tám mươi ngàn. Bản dịch xưa rằng tám muôn bốn ngàn hành. Nếu tức các nẻo như thế mà đi vào cổng, cho đến như kinh Ca-la-ma v.v... có nói rộng, đây là nói sức của hành đến khắp sở tri có bốn:

1/ Biết quy thú thuận với quán hạnh.

2/ Biết nghiệp bất động tội phước, hưởng đến hành của năm đường.

3/ Biết bề đẳng, mỗi bề đẳng đều thuận, trái với kiến hạnh.

4/ Biết tất cả phẩm loại sai khác. Hạnh hưởng đến không có tội của đời này, đời khác. Nghĩa là biết ba thừa và tánh bất định, khởi hành động vô tội hưởng đến Niết-bàn.

Hỏi: Năng lực hành hưởng đến khắp này có gì khác với năng lực của xứ, phi xứ?

Đáp: Năng lực xứ, phi xứ biết cảnh, tức rộng. Năng lực của hành hưởng đến khắp, chỉ biết các hành có thể có đối tượng hưởng đến. Năng lực của xứ, phi xứ chẳng phải chỉ biết hành này, cũng như pháp khác, cái gọi là số giọt nước của biển cả, đại địa, vi trần, các niệm tâm sở của tất cả hữu tình.

Lại biết việc bảy báu chân, nguy v.v... như thế là vô lượng. Tiếng Phạm là Ca-la-ma, Hán dịch là thời. Nước ngoài có thời kinh riêng.

Trong năng lực túc trụ, trước tiêu biểu chung, kế là giải thích riêng, sau kết sơ lược. Tám lời nói, sáu thứ câu, sơ lược về hành. Pháp sư Thối nói vì nói lược về sáu hành, nên nói là sáu hành sơ lược. Cứ luận nói sáu thứ đồng hành, nghĩa đồng lẫn lộn với nghĩa lược qua, cho nên dịch lầm.

Tám thứ Sự của có thể là lời giải thích, nên nói tám câu lời nói. Pháp sư Cảnh nói lời nói đã giải thích rõ ràng về sự, lý, rộng tức vô lượng, lược qua thì có sáu hành. Trong tám lời nói, ba lời nói sau kết hợp thành một, đồng là lượng tuổi thọ, nên chỉ có sáu.

Nói cho nên, là chỉ đối với phẩm loại như thế, phát khởi tùy niệm, lại không có tăng, nghĩa là nói về sức túc trụ, tùy khởi niệm ở trước, lại không có cảnh nào khác.

Hỏi: Năng lực túc trụ cũng biết diệt, đạo vô lậu quá khứ của mình, người hay không?

Đáp: Nay trong luận này dù vẫn không nói, nhưng về mặt đạo lý, cũng nhận biết như kinh Pháp Hoa nói: “Quá khứ có Phật hiệu là Oai



Âm Vương, thành chánh giác v.v... ”

Nói là “nếu lời nói, hành động mà có hành tướng ấy”, tức là đã nói sáu hành sơ lược. Nếu câu lời nói, tất cả nêu thuyết tức là tám câu lời nói.

Và, “tức đối với tùy khởi nhớ nghĩ này” chính là nói về biết sức của túc trụ tùy niệm.

Kế là nói về sức, trí sinh tử, cũng gọi là sức thiên nhân, trong đó trước y theo sức thiên nhân để giải thích, sau y cứ vào sức tử, sinh để giải thích. Tĩnh lực trong đây được gọi là thiên trụ, cho đến gọi là thiên nhân, nghĩa là đã tu được nhân, từ tĩnh lực kia cũng gọi là thiên, nên gọi là thiên nhân. Ngài Tam tạng nói: - Vì có ánh sáng, nên gọi là trời. Trời là nghĩa ánh sáng. Trong giải thích kinh dưới đây, có hai câu rất thanh tịnh, vượt hơn loài người.

Kế là, giải thích về năng lực của trí sinh tử, trong đó đầu tiên, là nói lúc sinh tử đã thấy sắc tướng tốt, xấu. Sau nói do hành vi thiện ác, nên qua đến chỗ khổ vui, trong đó chia làm hai:

- Nói đến đường ác.
- Nói đến đường thiện.

Trong phần trước, đầu tiên, giải thích rộng về nhân quả, sau tổng kết.

Tất cả hoại giới, nghĩa là hành động ác của thân, ngữ và đẳng khởi của hành động đó, nghĩa là hành động ác của ý. Và kẻ trụ phẩm loại khác của ý kia đã trở thành tà kiến v.v... Và kẻ trụ phẩm loại khác của ngoại đạo, đã trở thành tà kiến chê bai hiền Thánh.

Vì muốn chỉ bày tướng của Na-lạc-ca (địa ngục), nghĩa là vì muốn mở bày hữu tình, khiến sinh tướng Na-lạc-ca, nên trong kinh nói đọa vào đường hiểm ác, vì muốn mở bày tự tánh, sự thể v.v..., nghĩa là vì chính khai thị sự thể của địa ngục, nên kinh lại phải nói về Na-lạc-ca.

Kết rằng phải biết rằng trong đây, nếu do sự sinh này, nghĩa là ác hành, tà kiến v.v... Nếu được sinh rồi, kẻ đã thọ các khổ não, chính là sinh vào đường ác. Nếu chịu khổ rồi, lại khởi tự nghiệp khác mà tạo ra các thứ khổ, nghĩa là đọa trong địa ngục, chịu khổ của nghiệp trước xong, lại khởi nghiệp khác, chiêu cảm các thứ khổ.

Trái với ở trên v.v... trở xuống, là thứ hai, làm rõ pháp trái lại sức lậu tận của đường thiện nói rằng sau cùng có thuyết gọi là nội chứng.

Thứ sáu, thần thông. Pháp sư Cảnh nói bậc A-la-hán được lậu tận thông, trụ thân sau cùng, gọi là nội chứng.

Pháp sư Tuệ Viễn nói: bốn thứ như sự sinh tử của ta đã hết v.v...,

như thật biết đạo là trí chứng, tùy theo nghĩa nói là bốn, tức lúc đầu tiên khởi trí chứng, vì được tận trí, nên gọi là sự sinh của ta đã hết. Vì được trí vô sinh, nên không thọ hữu sau. Luận Thành Thật cũng đồng trường hợp này.

-----